TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1000/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 01/8/2023
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Thắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà Nguyễn Phước Trinh

2- Bà Phạm Thị Ngọc

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Thanh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh:*** Bà Nguyễn Ngọc Diệu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 492/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2023 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 308/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 217/2023/QĐST-HNGĐ ngày 18/7/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Ngọc L, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Số C, đường A, tổ I, ấp D, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Lê Quốc S, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Số C, đường A, tổ I, ấp D, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: Số C, đường N, ấp F, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn ngày 28/3/2023, nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc L trình bày:

Bà với ông Lê Quốc S tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 90, ngày 22/4/2011. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do ông S bạo hành, đánh bà nhiều lần. Lần gần nhất ngày 18/3/2023, ông S dùng dao chém bà gây thương tích. Bà xác định tình cảm không còn nên bà yêu cầu được ly hôn ông S.

- Về con chung có 02 trẻ tên Lê Ngọc Phương C, sinh ngày 06/10/2015 và Lê Ngọc Phương T, sinh ngày 20/8/2018. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con, bà yêu cầu ông S cấp dưỡng cho con mỗi tháng 4.000.000 đồng (mỗi con là 2.000.000 đồng/tháng).

- Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà xác định không có.

* Tại bản tự khai ngày 04/5/2023, bị đơn ông Lê Quốc S trình bày:

Ông với bà L tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C. Trong quá trình chung sống, bà L thừa nhận đã có người khác nên ông nóng giận, xô xát làm bà L bị thương. Ông không đồng ý lời khai bà L, ông xin Tòa cho ông và bà L có thời gian tự giải quyết.

* Tại biên bản hòa giải ngày 23/5/2023, bị đơn ông Lê Quốc S trình bày: Ông đồng ý ly hôn bà L. Ông yêu cầu được nuôi Lê Ngọc Phương C, sinh ngày 06/10/2015 và bà L nuôi Lê Ngọc Phương T, sinh ngày 20/8/2018, không ai phải cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung, ông yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng là căn nhà địa chỉ số C, đường A, tổ I, ấp D, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, ông sẽ nộp đơn khởi kiện tranh chấp tài sản chung trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản.

Do ông S không nộp đơn khởi kiện tranh chấp tài sản chung trong thời gian ông tự ấn định, Tòa triệu tập hợp lệ ngày 28/6/2023 nhưng ông S vắng mặt không rõ lý do. Do vụ án hòa giải không thành nên phải đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc L vẫn giữ yêu cầu như đơn khởi kiện, về cấp dưỡng cho con bà L thay đổi ý kiến, bà không yêu cầu ông S cấp dưỡng cho con.

- Bị đơn ông Lê Quốc S đồng ý ly hôn bà L với điều kiện ông được nuôi Lê Ngọc Phương C và bà L nuôi Lê Ngọc Phương T, không ai phải cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung, ông xác định không có.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến như sau:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định. Việc giao hồ sơ cho Viện kiểm sát không đảm bảo thời gian, kiến nghị khắc phục.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; không chấp nhận yêu cầu của bị đơn ông S về việc nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về tố tụng:

[1] Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

* Về nội dung:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Ngọc L với ông Lê Quốc S tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 90, ngày 22/4/2011 nên là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu của bà L xin ly hôn ông S:

Hội đồng xét xử nhận thấy: Ông S có hành vi bạo lực gia đình, đánh và gây thương tích cho bà L. Ông S không thể tự giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng và ông S cũng đồng ý ly hôn. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: "Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được", Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L, cho bà L được ly hôn ông S.

[4] Về con chung: Bà L và ông S có 02 con tên Lê Ngọc Phương C, sinh ngày 06/10/2015 và Lê Ngọc Phương T, sinh ngày 20/8/2018.

[4.1] Xét bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con: Tại bản tự khai ngày 04/5/2023, Phương C có nguyện vọng sống chung mẹ là bà L. Xét 02 trẻ Phương C và Phương T đang do bà L nuôi dưỡng, bà L nuôi dưỡng 02 con tốt, cần tạo điều kiện ổn định cho sự phát triển bình thường của 02 trẻ, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L.

[4.2] Xét ông S yêu cầu được nuôi Lê Ngọc Phương C và bà L nuôi Lê Ngọc Phương T, không ai phải cấp dưỡng cho con: Yêu cầu của ông S không phù hợp nguyện vọng của Phương C, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của ông S.

[4.3] Xét bà L thay đổi ý kiến, không yêu cầu ông S cấp dưỡng cho con là do bà L tự nguyện, bà L có đủ điều kiện nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về tài sản chung bà L và ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét. Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà L và ông S xác định không có nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng xét xử buộc bà L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

[7] Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát như trên là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc L:

- Về hôn nhân: Bà Lê Thị Ngọc L được ly hôn ông Lê Quốc S.

- Về con chung: Bà L và ông S có 02 con tên Lê Ngọc Phương C, sinh ngày 06/10/2015 và Lê Ngọc Phương T, sinh ngày 20/8/2018.

Bà L được trực tiếp nuôi dưỡng 02 trẻ Lê Ngọc Phương C và Lê Ngọc Phương T. Ghi nhận sự tự nguyện của bà L không yêu cầu ông S cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung: Không xét.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Lê Quốc S về việc yêu cầu được nuôi con chung tên Lê Ngọc Phương C, sinh ngày 06/10/2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Lê Thị Ngọc L phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí về việc ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số AA/2023/0017198 ngày 18/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi; bà L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tp. Hồ Chí Minh (01)
- VKSND huyện Củ Chi (02)
- Chi cục THADS huyện Củ Chi (01)
- UBND xã Tân Thạnh Đông (01)
- Các đương sự (02)
- Lưu: Vp, hồ sơ vụ án (02)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Văn Thắm